

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: **02** /2026/VBHN-QĐ-UBNDHải Phòng, ngày **20** tháng **10** năm 2026**QUYẾT ĐỊNH**

Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung và chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng

Quyết định số 218/2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung và chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số **88**./2026/QĐ-UBND ngày **20/10**/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 218/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung và chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 337/TTr-STC ngày 03/11/2025¹;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung và chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng, gồm:

a) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh hoặc bổ sung máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị trong trường hợp cần thiết.

b) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc của cơ quan, đơn vị theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

c) Trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị.

d)² Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc, đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số, phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số của cơ quan, đơn vị cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A, Mục B, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

¹ Quyết định số 88./2026/QĐ-UBND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 06 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09 tháng 03 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 433/TTr-STC ngày 24/9/2026 và Công văn số 1072/STC-QLCS ngày 13/10/2026”

² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 88./2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

đ) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo).

e)³ Quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số theo danh mục quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

g)⁴ Quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số theo danh mục quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Các quy định khác về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được thực hiện theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (sau đây gọi là Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg) và Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (sau đây gọi là Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg)⁵.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi là cơ quan nhà nước), đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm quyền quyết định:

1. Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh hoặc bổ sung máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị mình trong trường hợp cần thiết.

³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 88/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 88/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

⁵ Cụm từ “và Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (sau đây gọi là Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg)” được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 88/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.



2. Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh của cơ quan, đơn vị mình cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trong trường hợp cần thiết⁶.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm quyền quyết định:

1. Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc của cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

2. Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc của cơ quan, đơn vị mình cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg⁷.

3. Trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5a. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số⁸

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm quyền quyết định:

⁶ Cụm từ “Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg” được thay thế bởi cụm từ “Mục A, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trong trường hợp cần thiết.” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định số 88./2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

⁷ Cụm từ “Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg” được thay thế bởi cụm từ “Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định số 88./2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

⁸ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 88./2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

1. Số lượng, mức giá máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số trang bị cho chức danh quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg so với mức giá đã quyết định.

Điều 5b. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số⁹

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm quyền quyết định:

1. Số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trang bị cho các chức danh mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

2. Số lượng máy móc, thiết bị trang bị cho các trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ bí mật của công việc theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và nhu cầu sử dụng.

3. Mức giá của máy móc, thiết bị (từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình có mức giá cao hơn mức giá tại Mục A, Mục B và máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trên cơ sở phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

4. Điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% đối với máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số trang bị cho chức danh quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg so với mức giá đã quyết định.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền quyết định được phân cấp tại Quyết định này có trách nhiệm:

1. Quyết định các nội dung về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo Quyết định này và các quy định hiện hành, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố về quyết định của mình;

⁹ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 88./2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Công khai các Quyết định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo thẩm quyền trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình, cơ quan quản lý cấp trên, Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử thành phố) và gửi cơ quan Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật;

3. Chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo tiêu chuẩn, định mức được ban hành theo quy định tại Quyết định này và quy định liên quan, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

4. Tổ chức triển khai thực hiện nội dung được phân cấp công khai, minh bạch, hiệu quả, đồng thời đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đã được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức đã được ban hành. Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức thì thực hiện theo thẩm quyền được phân cấp quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.¹⁰

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Công báo thành phố; Cổng thông tin điện tử TP;
- Các Phòng, ban thuộc VP UBND TP;
- Lưu: VT, TC.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
 Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2026
CHỦ TỊCH



Đỗ Thành Trung

¹⁰ Điều 4 của Quyết định số 88./2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026 và quy định như sau:

“Điều 4. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp đã trang bị máy móc, thiết bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị đã được trang bị cho đến khi được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”